

ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TERMS AND CONDITIONS ON TERM DEPOSIT

(Hiệu lực từ ngày 15/07/2020/ Effective from 15 July 2020)

Các nội dung tại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mà các bên đã ký hoặc các thông tin mà Khách hàng đã đăng ký trên kênh Sacombank Ebanking (áp dụng đối với các sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến) cùng với Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn này tạo nên toàn bộ thỏa thuận giữa Sacombank và Khách hàng về tiền gửi có kỳ hạn (sau đây gọi là "Hợp đồng"). Bằng việc xác nhận vào Hợp đồng này, Khách hàng xác nhận đã được cung cấp đầy đủ, đọc, hiểu rõ và chấp nhận tuân thủ Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, các thông tin, quy định của Sacombank về sản phẩm, dịch vụ/ The contents of the Term deposit agreement signed by the parties or the information registered by the Customer on Sacombank Ebanking channel (applicable to online term deposit products) together with this Appendix on Terms and Conditions on the term deposit shall constitute all agreement between Sacombank and the Customer on the term deposit (hereinafter referred to as "Agreement"). By confirming on this Agreement, the Customer confirms that it has been fully provided, has read, understood and accepted to comply with the Terms and Conditions term deposit, information and Sacombank's regulations on products and services.

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ/ Article 1. DEFINITIONS

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau/ In this Agreement, the below terms shall be defined as follows:

- Bên A là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)/ Party A is Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank).
- Bên B là Khách hàng gửi tiền gửi có kỳ hạn tại Bên A/ Party B is customer depositing the term deposit at Party A.
- Ngày gửi tiền là ngày Bên B thực hiện gửi tiền gửi có kỳ hạn tại Bên A thông qua các kênh giao dịch do Bên A cung cấp hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B/ Deposit date is the date Party B makes the term deposit at Party A via the transaction channels provided by Party A or as agreed in writing between Party A and Party B.
- Ngày đến hạn là ngày kết thúc thời hạn gửi tiền theo thỏa thuận tại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn/ Maturity date is the ending date of the deposit term as agreed in the Term deposit agreement.
- Thời hạn gửi tiền là thời hạn kể từ ngày Bên B bắt đầu gửi tiền đến ngày Bên A cam kết trả hết gốc và lãi tiền gửi/ Deposit term is the period time from the date Party B starts to deposit the deposit amount until Party A undertakes to fully repay the principal and interest.
- Số Hợp đồng đồng thời là số tài khoản do Bên A mở để quản lý và ghi nhận các giao dịch tiền gửi có kỳ hạn/ Agreement number is the account number opened by Party A to manage and record the term deposit transactions.
- Ngày làm việc được hiểu là các ngày từ Thứ Hai tới Thứ Sáu (sáng từ 7h30 – 11h30, chiều từ 13h – 17h), Thứ Bảy (từ 7h30 - 11h30), hoặc thời gian làm việc thực tế của Bên A theo từng thời kỳ; ngoại trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định pháp luật hoặc các ngày nghỉ của Bên A/ Working day is the date from Monday to Friday (7.30am – 11.30am in the morning, 1pm – 5pm in the afternoon) and Saturday (7.30am – 11.30am) or the actual working time of Party A in each period except for the day-off or holiday according to the provisions of law and the day-off of Party A..

Điều 2. GỬI, NHẬN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ Article 2. DEPOSITING AND RECEIVING TERM DEPOSIT

2.1 Bên B chỉ được gửi, nhận chi trả tiền gửi có kỳ hạn thông qua tài khoản thanh toán của chính Bên B. Bên B cam kết và đồng ý rằng/ Party B is only entitled to deposit and receive the term deposit via Party B's own current account. Party B undertakes and agrees that:

- Thông tin tài khoản thanh toán mà Bên B cung cấp cho Bên A là chính xác, hợp lệ và là tài khoản thanh toán của chính Bên B mở tại Bên A hoặc Ngân hàng khác và Bên B có nghĩa vụ cung cấp cho Bên A các chứng từ chứng minh tài khoản thanh toán dùng để gửi tiền gửi có kỳ hạn là của Bên B khi Bên A yêu cầu/ The current account information provided by Party B to Party A is accurate, valid and refers to Party B's own current account opened at Party A or other banks and Party B, upon Party A's request, is obliged to provide Party A with the documents evidencing that the account used to deposit the term deposit belongs to Party B.

- Đảm bảo việc gửi tiền gửi có kỳ hạn được thực hiện bằng tài khoản thanh toán của Bên B đã thỏa thuận tại Hợp đồng này. Trường hợp không thực hiện bằng tài khoản thanh toán tại Hợp đồng này nhưng vẫn đảm bảo là tài khoản thanh toán của Bên B thì xem như các bên đồng ý thay đổi nội dung thỏa thuận về tài khoản thanh toán gửi tiền gửi có kỳ hạn/ *Party B ensures that the depositing of the term deposit shall be performed via Party B's current account as agreed in this Agreement. The usage of another current account of Party B instead of the current account specified in this Agreement shall be considered as the agreement between the parties on the change in the current account used to deposit the term deposit.*
- 2.2 Vào ngày gửi tiền, trường hợp Bên A không nhận được hoặc nhận nhưng chưa đầy đủ số tiền gốc đã thỏa thuận vì bất cứ lý do gì và/hoặc tài khoản thanh toán không đủ số dư để gửi tiền và/hoặc thông tin tài khoản thanh toán chuyển đến không phải tài khoản của Bên B thì các điều khoản liên quan đến kỳ hạn gửi tiền và lãi suất không có giá trị áp dụng. Khi đó, Bên B sẽ không được hưởng bất kỳ một khoản tiền lãi phát sinh nào trên số tiền đã chuyển tới Bên A/ *On deposit date, in case Party A does not receive or fully receive the agreed principal for any reasons and/or the current account is not sufficient to deposit the term deposit and/or the current account used to deposit the term deposit is not Party B's account, the regulations related to the deposit term and interest rate shall be invalid and Party B shall not enjoy any interest arising on the amount of money transferred to Party A.*
- 2.3 Nếu tài khoản thanh toán của Bên B nhận chi trả gốc và/hoặc lãi được đề cập tại Hợp đồng này bị phong tỏa/tạm khóa thì Bên A vẫn hạch toán toàn bộ gốc và/hoặc lãi vào tài khoản thanh toán nhận chi trả này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Bên A và Bên B hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp tài khoản thanh toán này bị đóng, Bên B có nghĩa vụ cung cấp thông tin tài khoản thanh toán khác của Bên B để nhận chi trả. Trong thời gian Bên B chưa cung cấp thông tin tài khoản thanh toán thay thế, Bên A sẽ tạm giữ gốc và lãi và số tiền này sẽ không được hưởng lãi/ *In case Party B's current account used to receive the payment of principal and/or interest as agreed in this Agreement is blocked/temporarily blocked, Party A still records all principal and/or interest in such account unless otherwise agreed between Party A and Party B or as requested by the competent authorities. In case of the closure of such account, Party B is obliged to provide information on another current account of Party B used to receive the payment. During the time Party B has not provided the replacement account information, Party A shall hold the principal and interest and such amount shall not enjoy any interest.*

Điều 3. CHI TRẢ GỐC LÃI/ Article 3. PAYMENT OF PRINCIPAL AND INTEREST

- 3.1 Đồng tiền chi trả gốc và/hoặc lãi tiền gửi đồng thời là đồng tiền mà Bên B đã gửi. Việc thanh toán bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam và Bên A về quản lý ngoại hối/ *The currency used to pay principal and/or interest is the currency used to deposit the term deposit by Party B. The payment in foreign currency shall be subject to the provisions of Vietnamese law and of Party A on foreign exchange management.*
- 3.2 Trường hợp ngày đến hạn rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật thì ngày đến hạn là ngày làm việc tiếp theo đầu tiên sau ngày nghỉ, ngày lễ/ *In case the maturity date coincides with a day-off or holiday under the provisions of law, the maturity date shall be the first working day following the day-off or holiday.*
- 3.3 Trong trường hợp ngày đến hạn tại khoản 3.2 Điều này (tức ngày đến hạn đã dời tương ứng với ngày nghỉ, lễ) vẫn rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, quy định của Bên A (như ngày nghỉ bù theo quy định chính phủ, nghỉ tết âm lịch...) thì tùy thuộc vào ngày mà Bên B đề nghị rút trước hạn/tắt toán trên Giấy đề nghị, ngày đến hạn được xác định bởi một trong hai ngày sau: ngày làm việc cuối cùng trước ngày nghỉ, ngày lễ hoặc ngày làm việc tiếp theo đầu tiên sau ngày nghỉ, ngày lễ/ *In case the maturity date set out in Clause 3.2 of this Article (i.e., the maturity date which has been rescheduled corresponding to the day-off or holiday) still coincides with a day-off or holiday under the provisions of law or Party A's regulations (i.e., compensatory days off under government regulations or Tet holidays, etc), depending on the date Party B requests for premature withdrawal/closure, the maturity date shall be determined by one of the following days: the last working day before the day-off or holiday or the first working day following the day-off or holiday.*
- 3.4 Trường hợp Số tiền gửi đã tái tục hơn một kỳ và có ngày đến hạn (các) kỳ đã qua rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ, thì tùy thuộc vào ngày mà Bên B đề nghị rút trước hạn/tắt toán trên Giấy đề nghị, ngày đến hạn được xác định bởi một trong hai ngày sau/ *In case the deposit amount has been renewed for more than one renewal term and the maturity date of such term(s) coincides with a day-off or holiday, depending on the date Party B requests for premature withdrawal/closure, the maturity date shall be determined by one of the following days:*
- i. Ngày đến hạn của kỳ đầu tiên quy định tại Hợp đồng này; hoặc/ *The maturity date of the first term set forth in this Agreement; or*
 - ii. Ngày đến hạn được dời tương ứng với ngày nghỉ, ngày lễ so với ngày đến hạn tại khoản 3.2 và khoản 3.3 Điều này (tức ngày nghỉ, ngày lễ sẽ được tính vào thời hạn gửi tiền)/ *The maturity date which has been rescheduled corresponding to the day-off or holiday compared to the maturity date in Clause 3.2 and 3.3 of this Agreement (i.e., the day-off or holiday shall be calculated on the deposit term).*

Điều 4. RÚT TRƯỚC HẠN/ Article 4. PREMATURE WITHDRAWAL

- 4.1 Bên B được rút trước hạn từng phần/toàn bộ số tiền gửi tùy theo từng loại hình tiền gửi và hưởng lãi tương ứng với mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất do Bên A công bố tại thời điểm rút (cho thời gian thực gửi tính từ thời điểm gửi/tái tục đến thời điểm rút gốc) trừ trường hợp nêu tại khoản 4.2 và khoản 4.3 dưới đây/ *Party B is entitled to prematurely withdraw a partial/whole deposit amount according to each type of deposit and shall enjoy interest corresponding to the lowest non-term deposit interest rate published by Party A at the time of withdrawal (for the actual depositing time from the deposit time/renewal time till the principal withdrawal time) except in cases specified in Clause 4.2 and 4.3 below.*
- 4.2 Trường hợp tiền gửi có kỳ hạn ngày mà số ngày gửi thực tế dưới 03 (ba) ngày tính từ ngày gửi tiền thì Bên B không được hưởng lãi/ *Party B shall not enjoy interest in case the deposit term is calculated by dates and the actual dates of depositing is lower than 03 (three) days from the deposit date.*
- 4.3 Trường hợp Bên B chọn hình thức trả lãi hàng tháng, hàng quý, trả lãi trước và số tiền lãi mà Bên B đã nhận trong kỳ rút trước hạn vượt quá số tiền lãi không kỳ hạn theo quy định tại khoản 4.1 thì Bên A cần trừ số tiền vượt quá này vào số tiền gốc trước khi chi trả cho Bên B/ *In case Party B selects the method of monthly/quarterly/prepaid interest payment and the amount of interest which has been received by Party B in the term of premature withdrawal exceeds the amount of non-term interest mentioned in Clause 4.1 above, Party A shall deduct such exceeding amount from the principal prior to paying for Party B.*
- 4.4 Khi có nhu cầu rút trước hạn, Bên B lập Giấy đề nghị tắt toán theo mẫu của Bên A và gửi cho Bên A. Nếu Bên B rút trước hạn trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi tiền thì gửi Giấy đề nghị cho Bên A trước 01 (một) ngày làm việc. Trường hợp Bên B không gửi Giấy đề nghị đúng theo quy định thì phải chịu mức phí rút trước hạn bằng với mức phí kiểm đếm của Bên A quy định trong từng thời kỳ/ *Party B must issue Request form for closure under Party A's form and send it to Party A upon any demand for premature withdrawal. In case of premature withdrawal within 03 (three) working days from the deposit date, Party B must send such Request form to Party A 01 (one) working day in advance. In case of failing to send the Request form as regulated, Party B must pay the premature withdrawal fee equal to the counting fee specified by Party A from time to time.*

Điều 5. TÁI TỤC HỢP ĐỒNG/ Article 5. RENEWAL OF AGREEMENT

- 5.1 Trường hợp các Bên thỏa thuận không tái tục Hợp đồng thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo phương thức chi trả gốc và lãi đã thỏa thuận tại Hợp đồng này/ *In case the Parties agree not to renew this Agreement, Party A shall pay for Party B in accordance with the principal and interest payment method stipulated in this Agreement.*
- 5.2 Trường hợp các Bên thỏa thuận tái tục Hợp đồng (không áp dụng tiền gửi có kỳ hạn ngày và tiền gửi lãnh lãi trước) thì tiền gửi có kỳ hạn của Bên B sẽ tự động gia hạn kỳ hạn mới với các nội dung sau/ *In case the Parties agree to renew this Agreement (not applied to the term deposit on a daily basis and the deposit using the prepaid interest payment method), Party B's term deposit shall be automatically renewed with the following contents:*
- ▶▶ Kỳ hạn tái tục bằng (=) kỳ hạn cũ theo Hợp đồng/ *The renewal term shall be equal to (=) the previous term under this Agreement.*
 - ▶▶ Lãi suất tái tục bằng (=) lãi suất niêm yết của Bên A tại thời điểm tái tục tương ứng với kỳ hạn tái tục trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác (Bên A gửi Thư thông báo cho Bên B về mức lãi suất khác lãi suất niêm yết và Bên B có văn bản xác nhận đồng ý với mức lãi suất tại Thông báo này)/ *The renewal interest rate shall be equal to (=) the interest rate published by Party A at the time of renewal corresponding to the renewal term unless otherwise agreed by both Parties (Party A sends a letter notifying Party B of another interest rate which is not the interest rate published by Party A and Party B agrees in writing to the interest rate in such letter).*
 - ▶▶ Số tiền tái tục bằng (=) tiền gốc ban đầu cộng (+) (lãi Bên B được hưởng, nếu có (*))/ *The renewal amount is equal to (=) the original deposit, plus (+) (the interest received by Party B, (if any)).*
- (* chỉ áp dụng đối với phương thức trả lãi cuối kỳ và đồng ý tái tục gốc lãi/ *only applied to the method of interest payment at maturity and renewal of principal and interest*

Vào ngày tái tục/ *On the renewal date:*

- ▶▶ Nếu Bên A không còn huy động kỳ hạn cũ, Hợp đồng này được tự động tái tục với kỳ hạn gửi tiền ngắn hơn liền kề kỳ hạn tại Hợp đồng này với lãi suất áp dụng là lãi suất niêm yết tại website www.sacombank.com.vn của Bên A trong từng thời kỳ vào thời điểm tái tục/ *In case Party A does not continue to apply the previous term, this Agreement shall be automatically renewed with the deposit term being the lower term next to the deposit term under this Agreement and at the applicable interest rate published on website: www.sacombank.com.vn by Party A on the time of renewal from time to time.*

- Nếu Bên A không còn triển khai loại hình tiền gửi đã thỏa thuận thì toàn bộ gốc, lãi của Bên B sẽ được chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn truyền thống tương ứng với kỳ hạn cũ và mức lãi suất tương ứng theo lãi suất của tiền gửi có kỳ hạn truyền thống được niêm yết tại website www.sacombank.com.vn của Bên A trong từng thời kỳ vào thời điểm tái tục/ *In case Party A no longer apply the agreed deposit type, all principal and interest of Party B shall be changed to the traditional term deposit using the previous deposit term and the corresponding interest rate according to the interest rate of the traditional term deposit published on website www.sacombank.com.vn by Party A at the time of renewal from time to time.*

Điều 6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI/ Article 6. INTEREST CALCULATION METHOD

- 6.1 Lãi suất tính lãi: được tính theo tỷ lệ %/năm trên cơ sở một năm là 365 ngày/ *Interest rate %/year and the basis of interest calculation is 365 days/year.*
- 6.2 Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi)/ *Interest calculation period shall be the period from the date of receiving the deposit until the end of the date before the date of full payment of the deposit (i.e., counting the first date and not counting the last date of the interest calculation period).*
- 6.3 Công thức tính lãi/ *Interest calculation method:*

$$\text{Tiền lãi/ Interest amount} = \frac{\Sigma (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{lãi suất})}{365}$$

- Lãi suất: theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn/ *Interest rate shall be according to the interest rate agreed in the Term deposit agreement.*
- Số ngày duy trì số dư thực tế: là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi/ *Number of dates of maintaining the actual balance is the number of dates on which the actual balance at the end of such date remains unchanged.*
- Số dư thực tế: là số dư cuối ngày tính lãi của số dư tiền gửi thực tế/ *Actual balance is the balance at the end of the date of calculating the interest of the actual deposit balance.*

Điều 7. BIỆN PHÁP TRA CỨU KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ Article 7. METHODS OF SEARCH FOR TERM DEPOSIT

- 7.1 Bên B được quyền tra cứu khoản tiền gửi có kỳ hạn thông qua các phương thức do Bên A cung cấp, bao gồm/ *Party B is entitled to search for the term deposit by methods provided by Party A including:*
- Yêu cầu cung cấp thông tin tại các địa điểm giao dịch thuộc mạng lưới hoạt động của Bên A/ *To request Party A to provide information at the transaction offices in the operating network of Party A.*
 - Thực hiện tra cứu bằng phương tiện điện tử thông qua việc đăng ký sử dụng dịch vụ Internet Banking của Bên A, quét mã QR/ *To conduct an electronic search by registering to use Sacombank's Internet Banking services or to scan QR code.*
 - Các phương tiện tra cứu khác do Bên A triển khai trong từng thời kỳ/ *Other search methods provided by Party A from time to time.*
- 7.2 Các biện pháp tra cứu trên do Bên A cung cấp cho Bên B và có thể thay đổi tùy từng thời điểm. Tuy nhiên, tại mọi thời điểm, Bên A cam kết luôn cung cấp ít nhất 01 (một) biện pháp tra cứu khoản tiền gửi cho Bên B. Để biết thêm thông tin về biện pháp tra cứu này, Bên B có thể liên hệ đến các địa điểm giao dịch của Bên A/ *The aforesaid search methods provided by Party A to Party B and might be changed from time to time. However, at any time, Party A undertakes to provide Party B with at least 01 (one) method of search for the term deposit. For more details of the search methods, Party B can contact Party A's transaction offices.*

Điều 8. XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP NHÀU NÁT, RÁCH, MẤT HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ Article 8. HANDLING IN CASE THE TERM DEPOSIT AGREEMENT IS TORN, CRUMPLED OR LOST

- 8.1 Trường hợp mất Hợp đồng Tiền gửi có kỳ hạn/ *In case the Term deposit agreement is lost:*
- (i) Khi phát hiện bị mất Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, Bên B phải lập Thông báo mất kèm với cam kết không khiếu nại Bên A trong bất kỳ trường hợp nào tại địa điểm giao dịch của Bên A. Bên B tự chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh do lợi dụng việc mất Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trước khi Bên A nhận được thông báo báo mất Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn/ *Upon discovering the loss of the Term deposit agreement, Party B must issue a Notice of loss and undertake not to claim Party A in any cases at Party A's transaction offices. Party B shall be responsible for the transactions arising due to taking advantages of the loss of the Term deposit agreement prior to the receipt of such Notice of loss by Party A.*

- (ii) Bên B chỉ được báo mất đồng thời với yêu cầu cấp lại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn hoặc yêu cầu chi trả toàn bộ số tiền gửi mà không yêu cầu cấp lại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Để giảm thiểu rủi ro, Bên A sẽ phong tỏa số tiền gửi sau khi nhận được thông báo mất của Bên B và chỉ giải tỏa khi cấp lại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn hoặc tất toán theo đề nghị của Bên B/ *When informing Party A of such loss, Party B is only entitled to choose between request of reissuing the Term deposit agreement or request of the payment of all deposit amount without reissuing such agreement. To minimize the risks, Party A shall block the deposit amount after receiving the Notice of loss from Party B and shall only unblock upon the reissuance or the closure of the Term deposit agreement as requested by Party B.*
- (iii) Sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Bên B lập Thông báo mất mà không phát sinh bất kỳ tranh chấp nào trong thời hạn này thì Bên B được Bên A cấp lại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại địa điểm giao dịch đã phát hành Hợp đồng tiền gửi hoặc yêu cầu tất toán và rút toàn bộ số tiền trên Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại tất cả các điểm giao dịch của Bên A/ *After 03 (three) working days from the issuance date of the Notice of loss without any arising disputes, Party A's transaction office that has issued the Term Deposit Agreement shall reissue the Term deposit agreement to Party B or Party B can come to and request any transaction offices of Party A to close the term deposit and withdraw all deposit amount under the Term deposit agreement.*
- (iv) Trường hợp Bên B tìm thấy Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn sau khi đã thông báo mất Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Bên A thì Bên B phải xuất trình Hợp đồng tiền gửi đã tìm thấy để Bên A thu hồi/ *In case Party B finds the Term deposit agreement after informing Party A of the loss of the Term deposit agreement, Party B must present the Term deposit agreement that has been found for revoking by Party A.*

8.2 Trường hợp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bị rách nát hoặc không còn toàn vẹn (bị hỏng) mà không phải do chỉnh sửa/ *In case the Term deposit agreement is torn, crumpled or damaged but not due to correction:*

- (i) Nếu việc hỏng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dẫn đến không xác định được đầy đủ yếu tố gồm số Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, tên Người gửi tiền, số tiền, chữ ký và dấu của Bên A trên Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thì xử lý như trường hợp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bị mất tại khoản 8.1 Điều này/ *In case the Term deposit agreement is damaged and the contents of such agreement including the number of the agreement, name of the depositor, deposit amount, signature and stamp of Party A cannot be identified, the handling shall be in accordance with Clause 8.1 of this Article.*
- (ii) Nếu việc hỏng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn nhưng vẫn xác định được đầy đủ nội dung ghi trên Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bị hỏng thì Bên B lập Thông báo hỏng tại địa điểm giao dịch đã phát hành Hợp đồng tiền gửi của Bên A để được Bên A cấp lại Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn hoặc chi trả cho Bên B. Bên B không cần thực hiện các thủ tục như quy định tại khoản 8.1 Điều này/ *In case the Term deposit agreement is damaged but the contents stipulated in such agreement can be fully identified, Party B must issue a Notice of damage at Party A's transaction office that has issued the Term deposit agreement and Party A might reissue the Term deposit agreement to Party B or pay the deposit amount for Party B. In this case, Party B does not need to carry out the procedures specified in Clause 8.1 of this Article.*

Điều 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A/ Article 9. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY A

9.1 Quyền của Bên A/ Rights of Party A

- Được yêu cầu Bên B chuyển đầy đủ số tiền gửi vào ngày gửi tiền đã thỏa thuận trong Hợp đồng/ *To request Party B to transfer the deposit amount in full on the deposit date agreed in this Agreement.*
- Được thu phí các loại phí dịch vụ phát sinh theo yêu cầu của Bên B (nếu có) theo biểu phí hiện hành của Bên A được niêm yết công khai tại website www.sacombank.com.vn từng thời điểm/ *To be entitled to charge the fees for any services arising under Party B's request (if any) in compliance with Party A's applicable tariff published on website www.sacombank.com.vn from time to time.*
- Không chịu trách nhiệm về việc xác định tính hợp pháp và các vấn đề liên quan khác đến nguồn gốc số tiền gửi của Bên B/ *Not to be responsible for determining the legitimacy and other matters related to the origin of the deposit of Party B.*
- Được từ chối nhận và chi trả tiền gửi có kỳ hạn nếu Bên B không thực hiện đúng các thỏa thuận đã cam kết tại Hợp đồng này/ *To refuse the receipt and payment of term deposit if Party B fails to comply with agreements in this Agreement.*
- Được yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ, rõ ràng và chính xác các thông tin cần thiết để nhận biết thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền/ *To request Party B to provide sufficient, obvious and accurate information necessary to identify customer information in accordance with the laws on anti money laundering.*
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật/ *Other rights stipulated in the provisions of law.*

9.2 Nghĩa vụ của Bên A/ *Obligations of Party A*

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi phát sinh cho Bên B vào ngày đến hạn quy định tại Hợp đồng này hoặc theo yêu cầu rút trước hạn của Bên B/ *To pay in full and on time the principal and arising interest for Party B on the maturity date specified in this Agreement or under Party B's request of premature withdrawal.*
- Cung cấp các thông tin liên quan đến khoản tiền gửi theo Hợp đồng này cho Bên B hoặc theo yêu cầu của Bên B và/hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/ *To provide information relating to the deposit under this Agreement to Party B or according to Party B's requirement and/or request of the competent authorities.*
- Bảo đảm bí mật thông tin về tiền gửi theo quy định của pháp luật/ *To ensure the confidentiality of deposit information in accordance with the provisions of law.*
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật/ *Other obligations as stipulated in the provisions of law.*

Điều 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B/ Article 10: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY B

10.1 Quyền của Bên B/ *Rights of Party B*

- Được thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi tiền gửi có kỳ hạn theo thỏa thuận với Bên A/ *To be entitled to receive all principal and interest of the term deposit as agreed with Party A.*
- Được ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch tiền gửi theo quy định của Bên A và quy định của pháp luật/ *To authorise other persons to perform the deposit transaction in accordance with Party A's regulations and the provisions of law.*
- Được yêu cầu rút toàn bộ gốc và lãi tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ hạn gửi tiền theo Hợp đồng này/ *To request Party A to withdraw all principal and interest anytime in the deposit term under this Agreement.*
- Được chuyển quyền sở hữu Tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của từng loại hình tiền gửi có kỳ hạn và phải thực hiện theo thủ tục chuyển quyền sở hữu do Bên A quy định tại địa điểm giao dịch nơi Bên B đã gửi tiền. Trừ trường hợp thừa kế, việc chuyển quyền sở hữu phải phù hợp về đối tượng gửi tiền và thời hạn gửi tiền theo Thông tư 49/2019/TT-NHNN. Bên A chỉ chấp nhận chuyển quyền sở hữu toàn bộ số tiền (gồm gốc và lãi) cho một người thụ hưởng duy nhất, không chuyển quyền sở hữu một phần/ *To assign the ownership right of the term deposit according to the regulations of each type of term deposit and Party B must comply with the procedures for assigning the ownership rights of Party A at the transaction offices where Party B has deposited. Except for inheritance, the assignment of the ownership right must comply with the regulations on the entities depositing the term deposit and the deposit term under Circular 49/2019/TT-NHNN. Party A shall only accept the assignment of full deposit amount including principal and interest to a single beneficiary and a partial assignment shall not be accepted.*
- Được sử dụng khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi này làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ của mình và/hoặc nghĩa vụ của Bên thứ ba tại Bên A và/hoặc tại tổ chức tín dụng khác theo quy định của Bên A và/hoặc tại tổ chức tín dụng khác/ *To use the deposit under this Agreement as collateral for Party B's obligations and/or obligations of the third party at Party A and/or other credit institutions according to regulations of Party A and/or other credit institutions.*
- Được Bên A cung cấp đầy đủ các thông tin về tiền gửi có kỳ hạn thỏa thuận trong Hợp đồng này/ *To be sufficiently provided the information on the term deposit agreed in this Agreement by Party A.*
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật/ *Other rights as stipulated in the provisions of law.*

10.2 Nghĩa vụ của Bên B/ *Obligations of Party B*

- Chuyển cho Bên A số tiền gửi đúng thời gian thỏa thuận tại Hợp đồng này/ *To transfer to Party A the deposit amount on the date specified in this Agreement.*
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính hợp pháp của số tiền gửi tại Bên A và không có nguồn gốc hoặc liên quan đến hoạt động rửa tiền/ *To be responsible for the origin and legality of the deposit amount at Party A and commit that the deposit amount is not derived from or related to the money laundering activities.*
- Chấp hành các quy định về mở, sử dụng tiền gửi có kỳ hạn của Bên A theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các thủ tục có liên quan khác theo hướng dẫn của Bên A/ *To comply with regulations on opening and using term deposit of Party A agreed in this Agreement and other relevant procedures instructed by Party A.*
- Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin liên quan về mở và sử dụng tiền gửi có kỳ hạn. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho Bên A khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở tiền gửi có kỳ hạn/ *To provide sufficient, obvious and accurate information related to the opening and use of term deposit. To promptly notify and send relevant documents to Party A in case of any change in information in the dossier for opening a term deposit.*
- Không được sử dụng tiền gửi có kỳ hạn để thực hiện cho các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác/ *Not to use term deposit to perform transactions for the purpose of money laundering, terrorist financing, fraud or other illegal conduct.*

- Thông báo ngay cho Bên A về việc phát sinh tranh chấp về số tiền gửi có kỳ hạn tại Hợp đồng này/ *To promptly inform Party A of any arising disputes about the term deposit specified in this Agreement.*
- Thông báo và cung cấp thông tin chính xác các nội dung liên quan đến số tiền gửi có kỳ hạn tại Hợp đồng này trong trường hợp Hợp đồng bị rách, nhàu nát, mất/ *To inform and provide accurately the information related to the term deposit specified in this Agreement in case this Agreement is torn, crumpled or lost.*
- Chủ động tra cứu thông tin của Hợp đồng theo các phương thức tra cứu do Bên A cung cấp nhằm quản lý và kiểm tra thông tin, tính hiệu lực của Hợp đồng này/ *To actively search for this Agreement information according to the search methods provided by Party A to manage and check the information and validity of this Agreement.*
- Thanh toán đầy đủ các loại phí dịch vụ phát sinh khi giao dịch tại Bên A theo biểu phí hiện hành của Bên A tại website www.sacombank.com.vn/ *To fully pay for the service fees arising when transacting with Party A in accordance with Party A's applicable tariff published on website www.sacombank.com.vn.*
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật/ *Other obligations as stipulated in the provisions of law.*

Điều 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ Article 11. GENERAL PROVISIONS

- 11.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên/ *This Agreement shall be amended as agreed in writing between both Parties.*
- 11.2 Bên A có quyền sửa đổi, bổ sung Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, các thông tin, quy định về sản phẩm, dịch vụ tại từng thời điểm để đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật cũng như đảm bảo quyền lợi của Bên B và Bên A. Trước khi bản thay đổi có hiệu lực, Bên A phải thông báo cho Bên B trước chậm nhất 01 (một) ngày bằng một trong các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ của Bên B cung cấp hoặc công bố trên website của Bên A hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Bên A. Bên B có trách nhiệm chủ động truy cập website www.sacombank.com.vn hoặc đến địa điểm giao dịch của Bên A để liên tục cập nhật các sửa đổi, bổ sung này. Các sửa đổi, bổ sung sẽ chỉ có giá trị hiệu lực nếu Bên B tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi Thông báo bằng văn bản cho Sacombank trước 03 (ba) ngày nếu không đồng ý với các sửa đổi bổ sung này/ *Party A shall be entitled to amend, supplement this Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, information, and regulations on products and services from time to time to satisfy the requirements of laws as well as to ensure the rights of Party B and Party A. Party A shall notify Party B at least 01 (one) day before the effective date of such amendments and supplements by one of the following methods: send mail/email directly to the address provided by Party B or publish on Party A's website or announce on the mass media or post at Party A's transaction offices. Party B shall be responsible to actively access Party A's website on www.sacombank.com.vn or come to Party A's transaction offices to continuously stay updated on such amendments and supplements. The amendments and supplements will only be valid if Party B continues to use the service after the amendments and supplements take effect. Party B has the right to terminate this Agreement by sending a 03-days prior written notice to Sacombank if Party B does not agree with these amendments and supplements.*
- 11.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn tất quyền và nghĩa vụ được thỏa thuận tại Hợp đồng này/ *This Agreement shall be effective from the signing date and terminated when the Parties complete all rights and obligations agreed in this Agreement.*
- 11.4 Trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Hợp đồng này thì trước hết các bên sẽ cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành, các bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam để giải quyết. Luật Việt Nam sẽ được áp dụng để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này/ *Any arising dispute relating to this shall be settled by negotiation and conciliation in priority. In case of unsuccessful negotiation and conciliation, either Party is entitled to submit such dispute to a competent court of Vietnam for resolution. Such disputes shall be governed by Vietnamese laws.*
- 11.5 Việc quản lý, giao dịch và sử dụng tiền gửi có kỳ hạn chung (nếu có) được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng này/ *The management, transaction and usage of joint term deposit (if any) shall be subject to this Agreement.*
- 11.6 Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Việt có giá trị ưu tiên áp dụng/ *In case of any inconsistency between the Vietnamese and English contents, the Vietnamese contents shall prevail.*

Điều 12. QUY ĐỊNH VỀ CÁC SẢN PHẨM TIỀN GỬI TRỰC TUYẾN (ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC)/ Article 12. REGULATIONS ON ONLINE DEPOSIT PRODUCTS (APPLICABLE TO ORGANIZATION CUSTOMERS)

12.1 Quy định chung/ *General regulations:*

- Tài khoản nguồn (tài khoản dùng chuyển khoản gửi tiền gửi có kỳ hạn) là tài khoản thanh toán (TKTT) do Bên B lựa chọn đồng thời là tài khoản thụ hưởng (tài khoản nhận chi trả gốc và lãi tiền gửi có kỳ hạn). Bên B chỉ được yêu cầu đóng Tài khoản nguồn sau khi đã tất toán toàn bộ gốc lãi của khoản tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến chuyển vào Tài khoản nguồn/ *The source account (ie the account used to deduct the term deposit) is the current account selected by Party B. This account shall also be the beneficiary account (i.e., the account used to receive the*

payment of the principal and interest of the term deposit). Party B is only entitled to request Party A to close the source account after settling all principal and interest of the online term deposit and transfer such amount to the source account.

- Tiền gửi trực tuyến không được chuyển quyền sở hữu, không áp dụng hình thức tiền gửi chung có kỳ hạn/ *The assignment of the ownership right and the form of joint term deposit are not applicable to the online deposit.*
- Tiền gửi trực tuyến có thể được sử dụng làm tài sản đảm bảo nếu đáp ứng theo đúng quy định của Bên A/ *The online deposit can be used as collateral upon the compliance with Party A's regulations.*
- Bên B có quyền thực hiện giao dịch tại quầy và phải tuân thủ các hướng dẫn thủ tục giao dịch của Bên A và đồng ý sử dụng bộ chữ ký đã đăng ký cho Tài khoản nguồn hoặc chữ ký của người đại diện hợp pháp khi thực hiện giao dịch/ *Party B is entitled to perform the transactions at counter and must comply with the procedures for transactions instructed by Party A. Party B agrees to use the signature set registered for the source account or the signature of the legal representative when transacting.*
- Giao dịch mở tài khoản tiền gửi trực tuyến: có hiệu lực ngay tại thời điểm duyệt giao dịch và được Bên A xử lý thành công. Các giao dịch mở được Bên B thực hiện trong ngày nghỉ lễ được thực thi trong ngày tạo, tuy nhiên hệ thống ghi nhận ngày hiệu lực của giao dịch mở là ngày làm việc tiếp theo đầu tiên sau ngày nghỉ, ngày lễ/ *Online deposit account opening transaction shall be effective immediately at the time the transaction is approved and successfully processed by Party A. An opening transaction executed by Party B on a day-off or holiday shall be executed on the day of creation; however, the system shall recognize that the valid date of such opening transaction is the first working day following the day-off or holiday.*
- Giao dịch tắt toán tài khoản tiền gửi trực tuyến có hiệu lực ngay tại thời điểm hoàn tất duyệt giao dịch và được Bên A xử lý thành công. Bên B không được phép rút trước hạn/tắt toán tài khoản trong ngày nghỉ, lễ/ *Online deposit account closing transaction shall be effective immediately at the time the transaction is approved and successfully processed by Party A. Party B is not allowed to prematurely withdraw or close such account on a day-off or holiday.*
- Trong thời gian Bên A xử lý dữ liệu cuối ngày: các giao dịch mở, tắt toán không được phép thực hiện/ *During the time Party A handles the data at the end of each day, the opening and closing transactions are not allowed to be performed.*

12.2 Quy định về tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến/Regulations on online term deposit:

- Bên B chỉ được rút trước hạn toàn bộ số tiền gửi, không được rút gốc từng phần/ *Party B can only prematurely withdraw all deposit amount and is not allowed to withdraw a part of the deposit amount.*